



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH
CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

SVC SVC SVC SVC SVC S
VC SVC SVC SVC SVC SVC

**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH
CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 25

5775
HINH
NGT
KIEM
SAO
ANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1500169888 ngày 22/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT
- Ông Ngô Thành Thía	Thành viên
- Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Quí	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Công Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
- Ông Lương Minh Triết	Thành viên

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc
- Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc
- Ông Lưu Quang Trường	Phó Giám đốc

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu đô thị, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng;

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

0-001-
ẢNH
Y TNH
OẢN
VIỆT
TP. CP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 24.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Đào Thanh Liêm

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 03 năm 2018



Số: 43/2018/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2017 của khoản phải thu khách hàng - Phòng quản lý đô thị TP Vĩnh Long số tiền 29.880.648.905 đồng và các khoản phải trả người bán - Công ty CP Đầu tư XD Phát triển Phương Thảo số tiền 1.220.228.400 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực số dư của khoản công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 27 tháng 03 năm 2018

A blue ink signature of Nguyễn Văn Nga.

Nguyễn Văn Nga

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0703-2018-107-1

3775
CHÍNH
HÀNH
CÔNG
TY
KIỂM
TOÁN
SAO
VIỆT
Đ. CÁI
LĂNG
TP. CẦN
THƠ

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.084.275.852	35.779.053.514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.823.957.269	4.219.130.933
1. Tiền	111		1.823.957.269	4.219.130.933
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	33.943.307.392	31.294.946.753
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		32.939.149.263	29.410.017.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		146.104.284	1.127.715.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		858.053.845	757.214.683
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	249.314.500	200.041.046
1. Hàng tồn kho	141		249.314.500	200.041.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	67.696.691	64.934.782
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.696.691	64.934.782
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

001-
ANH
TINH
OAN
VIỆ
-TP.C

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.813.611.217	17.152.256.960
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.5	10.873.867.396	12.684.606.867
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10.873.867.396	12.684.606.867
Nguyên giá	222		25.785.135.318	24.993.469.263
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.911.267.922)	(12.308.862.396)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.6	3.939.743.821	4.467.650.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.939.743.821	4.467.650.093
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		50.897.887.069	52.931.310.474



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.154.160.169	16.929.515.701
I. Nợ ngắn hạn	310		10.154.160.169	16.929.515.701
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.618.802.330	48.724.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	157.450.781	363
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.646.641.256	1.507.711.363
4. Phải trả người lao động	314		4.726.359.935	5.656.952.443
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	107.075.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	130.268.144	4.946.849.259
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.874.637.723	4.662.203.144
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

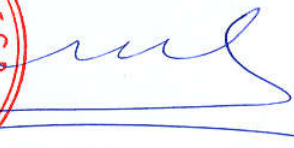
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	40.743.726.900	36.001.794.773
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11 40.913.750.725	35.364.645.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	35.362.220.000	33.862.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	35.362.220.000	33.862.220.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	450.727.624	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.100.803.101	1.502.425.414
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.100.803.101	1.502.425.414
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(170.023.825)	637.149.359
1. Nguồn kinh phí	431	(170.023.825)	637.149.359
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	50.897.887.069	52.931.310.474



Trần Mỹ Hằng
Người lập biểu



Trần Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Ngô Thành Thía
Giám đốc
Lập ngày 27 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.581.227.548	60.848.416.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.358.655.048	4.750.295.516
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		68.222.572.500	56.098.121.355
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.003.924.540	36.043.160.645
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		21.218.647.960	20.054.960.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.107.532	38.339.744
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	11.718.148.569	9.786.915.724
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.517.606.923	10.306.384.730
11. Thu nhập khác	31		143.794.491	388.093.510
12. Chi phí khác	32	VI.5	582.696.550	710.629.859
13. Lợi nhuận khác	40		(438.902.059)	(322.536.349)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.6	9.078.704.864	9.983.848.381
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.704.454.665	2.113.361.834
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.374.250.199	7.870.486.547
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.741	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

001-
ANH
TỈNH
TOÁN
VIỆT
P.C



Trần Mỹ Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Ngô Thành Thía
Giám đốc

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.078.498.993	65.007.513.050
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(27.979.013.846)	(19.706.691.670)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.164.174.796)	(27.875.006.628)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(132.454.442)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.182.227.506)	(2.326.567.417)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.307.855.719	44.370.247.975
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(52.531.991.731)	(64.295.677.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.603.507.609)	(4.826.181.755)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(791.666.055)	(106.141.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(791.666.055)	(106.141.364)

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.395.173.664)	(4.932.323.119)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	4.219.130.933	9.151.454.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.823.957.269	4.219.130.933

Trần Mỹ Hằng

Trần Mỹ Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Ngô Thành Thía

Giám đốc

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1500169888 ngày 22/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 35.362.220.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 là: 35.362.220.000..

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu đô thị, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên được bắt đầu từ ngày 01/10/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016. Kỳ kế toán năm tiếp theo được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4572
CHÍNH
ÔNG T
KIỂM
SAO
RANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2017 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

007
ANH
Y TÍNH
TOÁN
VIỆT
TP. C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao ước tính

- 6 - 20 năm
- 8 năm
- 5 - 10 năm
- 6 năm



6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% cho hoạt động vận chuyển và xử lý rác thải, 20% cho các hoạt động kinh doanh còn lại.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

15. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Chi phí tiền lương của Công ty quý 4 năm 2016 được xác định như sau:

- Chi phí tiền lương của bộ phận trực tiếp được tính căn cứ khối lượng thực thể nhân với đơn giá tiền lương được quy định tại Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 16/01/2009 và Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 07/08/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Chi phí tiền lương người quản lý và người lao động gián tiếp được căn cứ theo Biên bản thẩm định quỹ tiền lương từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 và năm 2017 ngày 15/03/2017.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán. Số năm trước bao gồm số liệu 9 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long và số liệu quý 4 năm 2016 của Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	98.925.649	5.588.199
Tiền gửi ngân hàng	1.725.031.620 (a)	4.213.542.734
Cộng	1.823.957.269	4.219.130.933

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Agribank - CN Vĩnh Long	174.100.373	366.592.601
- Ngân hàng Vietinbank - CN Vĩnh Long	300.160.104	2.835.839.589
- Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	1.008.327.006	548.449.601
- Kho Bạc Nhà Nước Vĩnh Long	242.444.137	462.660.943
Cộng	1.725.031.620	4.213.542.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.939.149.263 (b)	29.410.017.070
Trả trước cho người bán ngắn hạn	146.104.284 (c)	1.127.715.000
Phải thu ngắn hạn khác	858.053.845 (d)	757.214.683
Cộng	33.943.307.392	31.294.946.753

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	29.880.648.905	28.689.176.671
- Phòng công thương huyện Long Hồ	881.590.000	100.000.000
- Các khách hàng khác	2.176.910.358	620.840.399
Cộng	32.939.149.263	29.410.017.070

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển XD Phương Thảo	-	1.000.000.000
- Các khách hàng khác	146.104.284	127.715.000
Cộng	146.104.284	1.127.715.000

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu người lao động (Thuế TNCN)	203.790.742	536.523.960
- Tạm ứng	602.668.390	173.262.663
- Phải thu khác	51.594.713	47.428.060
Cộng	858.053.845	757.214.683

001-C
ẢNH
TỈNH
CỘNG
HÒA
VIỆT
-TP. C

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	41.266.000	31.142.546
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	208.048.500 (e)	168.898.500
Cộng	249.314.500	200.041.046

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(e) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các công trình trồng hoa, trang trí	54.910.000	15.760.000
- Lắp đặt hệ thống đèn trang trí	153.138.500	153.138.500
Cộng	208.048.500	168.898.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	67.696.691 (f)	64.934.782
Cộng	67.696.691	64.934.782

(f) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bảo hiểm tài sản	67.696.691	64.934.782
Cộng	67.696.691	64.934.782

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	24.993.469.263	791.666.055	-	25.785.135.318
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.123.268.664	-	-	3.123.268.664
- PT vận tải, TB truyền dẫn	21.870.200.599	791.666.055	-	22.661.866.654
Hao mòn lũy kế	12.308.862.396	2.602.405.526	-	14.911.267.922
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.889.195.978	318.140.361	-	2.207.336.339
- PT vận tải, TB truyền dẫn	10.419.666.418	2.284.265.165	-	12.703.931.583
Giá trị còn lại	12.684.606.867			10.873.867.396
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.234.072.686			915.932.325
- PT vận tải, TB truyền dẫn	11.450.534.181			9.957.935.071

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Mua trong năm	791.666.055
Cộng	791.666.055

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	2.602.405.526
Cộng	2.602.405.526

6. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	3.939.743.821 (g)	4.467.650.093
Cộng	3.939.743.821	4.467.650.093

(g) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ	112.288.885	202.771.737
- Lợi thế kinh doanh	3.827.454.936	4.264.878.356
Cộng	3.939.743.821	4.467.650.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư XD Phát triển Phương Thảo	1.220.228.400	
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	181.950.460	
- Các nhà cung cấp khác	216.623.470	48.724.129
Cộng	1.618.802.330	48.724.129

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Khai trí Vĩnh Long	95.398.000	-
- Công ty CP Vincom Retail	62.052.600	-
- Các nhà cung cấp khác	181	363
Cộng	157.450.781	363

9. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	783.668.888	780.524.999
- Thuế TNDN	679.181.590	202.410.138
- Thuế thu nhập cá nhân	183.790.778	524.776.226
Cộng	1.646.641.256	1.507.711.363

10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	-	32.683.213
- BHXH, BHYT, BHTN	91	-
- Phải trả về cổ phần hóa	67.358.074	4.144.662.605
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.659.000	120.000.000
- Phải trả khác	47.250.979	649.503.441
Cộng	130.268.144	4.946.849.259

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	33.862.220.000	-	-	1.502.425.414
Tăng vốn trong năm nay	1.500.000.000	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.374.250.199
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	450.727.624	(450.727.624)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(75.121.271)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(2.300.485.083)
Chia cổ tức	-	-	-	(676.091.436)
Giảm khác	-	-	-	(273.447.098)
Số dư cuối năm nay	35.362.220.000	-	450.727.624	5.100.803.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà nước	28.728.220.000	27.228.220.000
- Các cổ đông cá nhân khác	6.634.000.000	6.634.000.000
Cộng	35.362.220.000	33.862.220.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.536.222	3.386.222
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	3.536.222	3.386.222
+ Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.386.222
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.386.222
+ Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.386.222
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

d. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu thành phẩm	6.211.198.334	5.510.331.822
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.370.029.214	55.338.085.049
Cộng	70.581.227.548	60.848.416.871

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
- Hàng bán bị trả lại	2.358.655.048	4.750.295.516
Cộng	2.358.655.048	4.750.295.516

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn thành phẩm	3.459.948.462	4.161.902.915
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	43.543.976.078	31.881.257.730
Cộng	47.003.924.540	36.043.160.645

4. Doanh thu hoạt động tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	17.107.532	38.339.744
Cộng	17.107.532	38.339.744
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân viên quản lý	8.067.537.445	7.456.778.649
- Chi phí đồ dùng văn phòng	218.527.991	169.744.273
- Chi phí khấu hao TSCĐ	218.853.055	148.394.352
- Thuế, phí và lệ phí	51.237.670	83.334.329
- Chi phí dự phòng	88.767.919	(12.250.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.487.629	202.580.667
- Chi phí bằng tiền khác	2.840.736.860	1.738.333.454
Cộng	11.718.148.569	9.786.915.724
6. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	519.814.054	582.960.801
- Chi phí khác	62.882.496	127.669.058
Cộng	582.696.550	710.629.859
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận		
Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)		1.502.425.414
Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)		9.078.704.864
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)		1.161.748.683
- Các khoản phạt vi phạm hành chính		519.814.054
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN		36.000.000
- Chi phí tiền lương 2016 chưa chi hết		605.934.629
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)		-
Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)		10.240.453.547
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 10%		3.436.360.445
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%		6.804.093.102
Thuế TNDN		1.704.454.665
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)		1.704.454.665
Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)		8.876.675.613
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		450.727.624
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành		75.121.271
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi		2.300.485.083
- Chia cổ tức		676.091.436
- Truy thu thuế GTGT		12.489.682
- Các khoản khác		260.957.416
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm		5.100.803.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Quý 4/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.374.250.199	1.502.425.414
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	375.606.354
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	7.374.250.199	1.126.819.060
- Số CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	4.235.970	3.286.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.741	343

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có.
- Thông tin về các bên liên quan:** không có.

a) Các giao dịch với Ban lãnh đạo Công ty trong năm

	Năm nay	Quý 4 năm 2016
Tiền lương, thưởng	1.188.615.677	-
Thù lao HĐQT, BKS	1.120.978.019	206.118.195

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán. Số năm trước bao gồm số liệu 9 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long và số liệu quý 4 năm 2016 của Công ty CP Công trình công cộng Vĩnh Long.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

7. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty: hoạt động dịch vụ công ích và hoạt động xây lắp.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận Công ty theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

<i>Năm nay</i>	<i>Hoạt động dịch vụ công ích</i>	<i>Hoạt động xây lắp</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần	62.417.767.756	5.804.804.744	-	68.222.572.500
Chi phí trực tiếp	43.543.976.078	3.459.948.462	-	47.003.924.540
Kết quả kinh doanh	18.873.791.678	2.344.856.282	-	21.218.647.960
Chi phí không phân bổ				11.718.148.569
Doanh thu HĐ tài chính				17.107.532
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				143.794.491
Chi phí khác				582.696.550
Lợi nhuận trước thuế				9.078.704.864
Chi phí thuế TNDN				1.704.454.665
Lợi nhuận sau thuế				7.374.250.199

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị trình bày: VND

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Nợ phải thu của Công ty chủ yếu là phải thu Ngân sách Nhà nước. Các khoản phải thu khách hàng khác thường xuyên được theo dõi nợ và đôn đốc thanh toán. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty không có khoản cho vay nào.

11. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	1.618.802.330	-	-	1.618.802.330
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.934.360.181	-	-	1.934.360.181
Cộng	3.553.162.511	-	-	3.553.162.511
Số đầu năm				
Phải trả người bán	48.724.129	-	-	48.724.129
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	6.561.635.985	-	-	6.561.635.985
Cộng	6.610.360.114	-	-	6.610.360.114


Trần Mỹ Hằng
Người lập


Trần Thị Kim Dung
Kế toán trưởng


Ngô Thành Thía
Giám đốc
Lập ngày 27 tháng 03 năm 2018

